

Số: 10 /2018/QĐ-UBND      Hậu Giang, ngày 20 tháng 9 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định giá tiêu thụ nước sinh hoạt nông thôn do Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh cung cấp trên địa bàn tỉnh Hậu Giang**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;*

*Căn cứ Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2008/TT-BXD ngày 02 tháng 01 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNN ngày 15 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp xác định và thẩm quyền quyết định giá tiêu thụ nước sạch tại các đô thị, khu công nghiệp và khu vực nông thôn;*

*Căn cứ Thông tư số 88/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 5 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành khung giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Hậu Giang.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định về đơn giá tiêu thụ nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

## Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức, cá nhân (người Việt Nam hoặc người nước ngoài) trực tiếp sử dụng nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

2. Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh là đơn vị cung cấp nước sinh hoạt nông thôn.

**Điều 3.** Giá tiêu thụ nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn tỉnh Hậu Giang như sau:

Stt	Mục đích sử dụng	Lượng nước sử dụng		Đơn giá (đồng/m <sup>3</sup> )
		Định mức sử dụng	Ký hiệu	
1	Sinh hoạt các hộ dân cư	Từ 1m <sup>3</sup> - 10m <sup>3</sup> đầu tiên/hộ/tháng	SH1	5.000
		Từ trên 10m <sup>3</sup> - 20m <sup>3</sup> /hộ/tháng	SH2	6.000
		Từ trên 20m <sup>3</sup> - 30m <sup>3</sup> /hộ/tháng)	SH3	7.000
		Trên 30 m <sup>3</sup>	SH4	7.600
2	Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp (bao gồm cả trường học, bệnh viện), phục vụ mục đích công cộng	Theo thực tế sử dụng	HCSN	7.600
3	Hoạt động sản xuất vật chất	Theo thực tế sử dụng	SX	8.200
4	Kinh doanh dịch vụ	Theo thực tế sử dụng	DV	9.400

Giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng VAT (5%) và phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt theo quy định.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 9 năm 2018 (áp dụng kỳ hóa đơn thu tiền nước tháng 10/2018) và thay thế Quyết định số 2046/QĐ-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang về việc quy định giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt nông thôn của Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Hậu Giang.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc: Sở Tài chính; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / . *nd*

*Nơi nhận:* *nd*

- VP. Chính phủ (HN-TP.HCM);
- Bộ Tài chính;
- Bộ Xây dựng;
- Tổng Cục Thuế;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- VP. TU, các Ban đảng;
- VP. Đoàn ĐBQH tỉnh;
- VP. HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN, các đoàn thể tỉnh;
- Như Điều 5;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KT. CT.

D2018NNPTNT/QĐA  
50 QĐ pqwy gnuoc Tam Nguoc

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trương Cảnh Tuyên**